BAN QL CTMTQG
XÃ TỊNH ẤN TÂY GĐ 2021-2025

Mẫu số 01/QTNĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị tính : Đồng

STT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm quyết toán	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)			
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17= 18+19	18	19	20	21=16-17-20	22=9+12 +18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17
	TỔNG SỐ			**4.429.616.000**	**67.249.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**419.843.500**	**419.057.702**	**419.057.702**	-	-	**785.798**	**419.057.702**	-	**486.306.702**
A.1	**Các dự án thuộc kê hoạch năm 2024**			**4.429.616.000**	**67.249.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**419.843.500**	**419.057.702**	**419.057.702**	-	-	**785.798**	**419.057.702**	-	**486.306.702**
I	**Vốn ngân sách nhà nước**			**2.124.545.000**	**67.249.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**74.617.500**	**74.315.500**	**74.315.500**	-	-	**302.000**	**74.315.500**	-	**141.564.500**
	Mã nguồn: 42			**2.124.545.000**	**67.249.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**74.617.500**	**74.315.500**	**74.315.500**	-	-	**302.000**	**74.315.500**	-	**141.564.500**
	Mã ngành, lĩnh vực: 292			**2.124.545.000**	**67.249.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**74.617.500**	**74.315.500**	**74.315.500**	-	-	**302.000**	**74.315.500**	-	**141.564.500**
1	Kiên cố hoá kênh B8 - Rộc Lờ thôn Độc Lập xã Tịnh Ấn Tây	KBNN Quảng Ngãi	7634743	1.668.984.000	67.249.000										49.914.400	49.612.400	49.612.400			302.000	49.612.400		116.861.400
2	Kiên cố hoá kênh B8 - Rộc Hộ thôn Độc Lập xã Tịnh Ấn Tây	KBNN Quảng Ngãi	7591012	455.561.000											24.703.100	24.703.100	24.703.100			0	24.703.100		24.703.100
II	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**			**2.305.071.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**345.226.000**	**344.742.202**	**344.742.202**	-	-	**483.798**	**344.742.202**	-	**344.742.202**
	Chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM			**2.305.071.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**345.226.000**	**344.742.202**	**344.742.202**	-	-	**483.798**	**344.742.202**	-	**344.742.202**
	Mã nguồn: 42			**1.070.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**21.000.000**	**20.516.202**	**20.516.202**	-	-	**483.798**	**20.516.202**	-	**20.516.202**
	Mã ngành, lĩnh vực: 292			**1.070.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**21.000.000**	**20.516.202**	**20.516.202**	-	-	**483.798**	**20.516.202**	-	**20.516.202**
1	Nâng cấp tuyến đường BTXM ngõ bà Đình - Sân kho	KBNN Quảng Ngãi	8079117	510.000.000											10.000.000	9.615.784	9.615.784			384.216	9.615.784		9.615.784
2	Xử lý đọng nước bằng cống hộp và nâng cấp mặt đường từ ngõ Lê Ngọc Lịnh - Ngõ ông Đỗ Hào	KBNN Quảng Ngãi	8079116	560.000.000											11.000.000	10.900.418	10.900.418			99.582	10.900.418		10.900.418
	Mã nguồn: 43			**1.235.071.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**324.226.000**	**324.226.000**	**324.226.000**	-	-	-	**324.226.000**	-	**324.226.000**
	Mã ngành, lĩnh vực: 292			**1.235.071.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**324.226.000**	**324.226.000**	**324.226.000**	-	-	-	**324.226.000**	-	**324.226.000**
1	10 tuyến GTNT xã Tịnh Ấn Tây theo cơ chế hỗ trợ 100% xi măng của UBND tỉnh năm 2023	KBNN Quảng Ngãi	8103353	724.371.000											190.159.000	190.159.000	190.159.000				190.159.000		190.159.000
2	05 tuyến GTNT xã Tịnh Ấn Tây theo cơ chế hỗ trợ 100% xi măng của UBND tỉnh năm 2023	KBNN Quảng Ngãi	8103352	510.700.000											134.067.000	134.067.000	134.067.000				134.067.000		134.067.000
A 2	**Các dự án không ghi kế hoạch năm 20... còn dư vốn tạm ứng chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán:**																						

Quảng Ngãi, ngày tháng 02 năm 2024

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN NƠI GIAO DỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM – KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẢNG NGÃI

Phan Thanh Hải

Tịnh Ấn Tây, ngày 20 tháng 02 năm 2024

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phan Khánh Lâm